

(ヨハネ傳福音書) 太初に言あり、言は神と偕にあり、言は神なりき。

(約翰福音 简体中文) 太初有道、道与 神同在、道就是 神。

(約翰福音 繁體中文) 太初有道、道與 神同在、道就是 神。

(요한복음) 태초에 말씀이 계시니라.

(Greek) Ἐν ἀρχῇ ἦν ὁ λόγος, καὶ ὁ λόγος ἦν πρὸς τὸν Θεόν, καὶ Θεὸς ἦν ὁ λόγος.

(Russian) В начале было Слово, и Слово было у Бога, и Слово было Бог.

(ChurchSlavonic) **Ѣ**зъ нача́лъ бѣ́ сло́во, Ѣ сло́во бѣ́ кзъ бѣ́, Ѣ бѣ́зъ бѣ́ сло́во.

タイ語: ศิลปะไทยมีลักษณะเฉพาะตัวค่อนข้างสูง โดยมีความกลมกลืนและคล้ายคลึงกับ ศิลปวัฒนธรรมเพื่อนบ้านอยู่บ้าง

ヴェトナム語: Phần “Những câu hỏi và giải đáp thường gặp” được nêu ra ở đây nhằm mục đích thu thập những câu hỏi thường gặp trong thực tế và những lời giải đáp thích hợp nhất của nó.

【漢文】
子曰、ハク盍ナンソク各ル言ハ爾ナンヂク志ヲ。

森鷗外はかう言ひ、内田百閒
を團扇であふいだ。僕は黙つ
てゐますよ。彼はかうぐし
つた。

【縦書きモード】